

1. VOCABULARY

Người lớn		Đã ăn	
Ba mẹ		Đã chơi	
Ông bà		Đã mua	
chú		Đã đi	
dì		Của chúng tôi	
Con trai (trong gia đình)		Của anh ấy	
Con gái (trong gia đình)		Của họ	
Cháu trai		hoặc	
Cháu gái		nhưng	
Anh em họ		Đất nước	

2. Write the sentences in English

a) Cái cặp màu đỏ thì to hơn cái cặp màu hồng.

=>

b) Cuốn sách A thì khó hơn cuốn sách B.

=>

c) Cái cặp màu vàng là cái cặp to nhất.

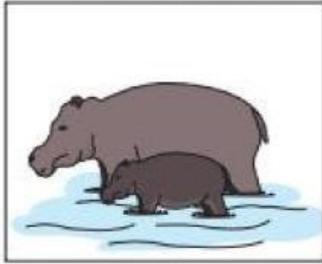
=>

d) Cuốn sách C là cuốn sách khó nhất.

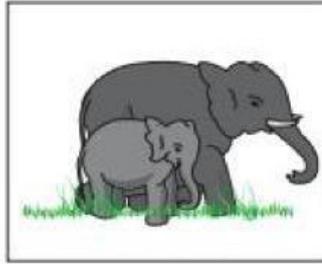
=>

3. LISTEN and TICK the boxes.

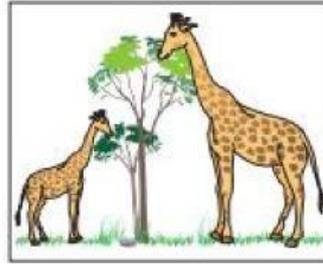
1 Which animals did Jill see?



A



B



C

2 What game did the children play?



A



B

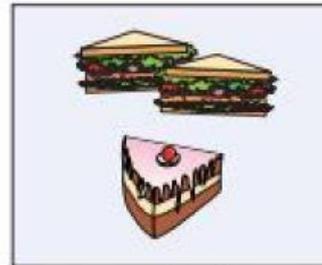


C

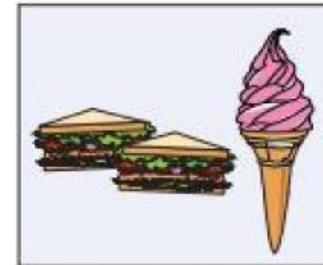
3 What did Lily eat at the party?



A

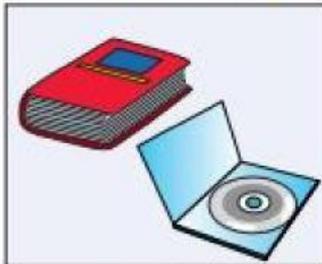


B

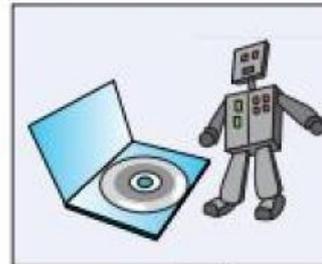


C

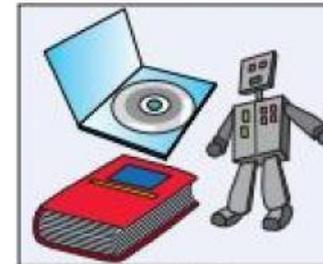
4 What did Bill buy at the shops?



A



B



C

5 What did Dan wear to the picnic?



A



B



C

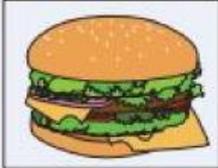
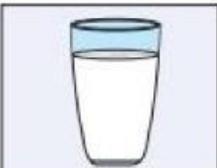
4. READING

Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1–5. There is one example.

My name is Fred. I like computers, comic books and football.

At the weekend, I like to play sport. I also like to do things with my family and friends. Yesterday, my sister and I (1) _____ to the park and played with Dan, our (2) _____. At the park, there were other children that we knew. We played games with them, too.

Today, my friend, Jim, and I (3) _____ our bikes down by the beach. We went for a swim and then came home to (4) _____ something because we were hungry. My mother made us some lunch. We had a burger and some chips. It was very nice but my favourite food is chicken and potatoes. Tomorrow is Monday so I must do my (5) _____ tonight. Yes, I work **and** I play at the weekend!

Example		
 football	 burger	 walked
 eat	 homework	 dog
 rode	 jumped	 milk